UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1641 /SXD-KCHT V/v công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 9 năm 2025*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng[1] *"3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý và đường chuyên dùng có hoạt động giao thông công cộng trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."*; Văn bản số 3501/CĐBVN-QLBT ngày 24/7/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc công bố, cập nhật tải trọng, khổ giới hạn đường bộ. Trên cơ sở rà soát số liệu về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ do Sở Xây dựng quản lý, báo cáo của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi và UBND cấp xã, Sở Xây dựng tổng hợp như sau:

1. Các tuyến, đoạn tuyến đường bộ đã vào cấp có tải trọng thiết kế mặt đường cho xe có tải trọng trục nhỏ hơn hoặc bằng 10 tấn/trục đơn của xe, tải trọng thiết kế cầu là HL - 93 hoặc tương đương gồm: 05 tuyến quốc lộ (24, 24B, 24C, 14C, 40) và 04 tuyến đường tỉnh (ĐT.627, ĐT.623B, ĐT.624, ĐT.624B).

2. Các vị trí hạn chế về tải trọng, khổ hới hạn trên đường bộ: có 04 vị trí, trong đó 03 vị trí trên đường Quốc lộ, 01 vị trí trên đường tỉnh.

3. Các cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn: có 20 cầu, trong đó 06 cầu trên đường Quốc lộ, 10 cầu trên đường tỉnh và 04 cầu trên đường khác.

(Chi tiết nội dung công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo phụ lục đính kèm).

Sở Xây dựng kính báo cáo và kính đề nghị UBND tỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định./.

(xin gửi kèm dự thảo văn bản của UBND tỉnh).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục ĐBVN (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, KCHT-htphu.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hà

[1] Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý

(Phụ lục kèm theo Văn bản số: 1641/SXD-KCHT ngày 22/9/2025 của Sở Xây dựng)

I. CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ ĐÃ VÀO CẤP

(Có tải trọng thiết kế mặt đường cho xe có tải trọng trục nhỏ nhất hoặc bằng 10 tấn/trục đơn của xe, tải trọng thiết kế cầu là HL - 93 hoặc tương đương)

TT	Tên đường	Tỉnh/Thành phố	Cấp kỹ thuật hiện tại của đường bộ		Chiều dài (Km)	Thông tin cơ bản về tuyến, đoạn tuyến (gồm: chiều rộng mặt đường, số làn đường theo từng chiều rộng)	Ghi chú
			ĐB	MN			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	**Quốc lộ 24**				**110,69**		
1	Đoạn Km0 - Km8	Quảng Ngãi	II		8	Đường phố chính đô thị thứ yếu, độ dốc dọc lớn nhất là 6%; bề rộng nền đường Bn= 27m (mặt đường 2x7,5m + dải phân cách giữa 2m + vỉa hè 2x5m), riêng đoạn qua vị trí cầu vượt giao với ga đường sắt: Bề rộng nền đường Bn= 21m (mặt đường 2x7,5m + dải phân cách giữa 2m + vỉa hè 2x2m); mặt đường bê tông nhựa, tải trọng trục tính toán 10T.	
2	Đoạn Km8 - Km32	Quảng Ngãi		III	24	Đường cấp III miền Núi có châm chước; độ dốc dọc tối đa 7%; bề rộng nền Bn=9m; bề rộng mặt đường Bm= 2x3m = 6m; bề rộng lề gia cố Blgc= 2x1= 2m; mặt đường bê tông nhựa; tải trọng thiết kế công trình: Cống, tường chắn H30-XB80, cầu HL93.	
3	Đoạn Km89+513 - Km113+820	Quảng Ngãi		III	24,31	Đường cấp III MN, Bm=6m, mặt đường BTN	
4	Đoạn Km113+820 - Km118+247,18	Quảng Ngãi	III		4,43	Đường cấp III ĐB, Bm= 7m, mặt đường BTN	
5	Đoạn Km118+247,18 - Km139+540	Quảng Ngãi		III	21,29	Đường cấp III MN, Bm= 6m, Mặt đường BTN	
6	Đoạn Km139+540 -	Quảng Ngãi	III		0,87	Đường cấp III ĐB, Bm= 15m, Mặt đường BTN	

	Km140+407						
7	Đoạn Km140+407 - Km158+927,74	Quảng Ngãi		III	18,52	Đường cấp III MN, Bm= 7m, Mặt đường BTN	
8	Đoạn Km158+927,74 - Km165+057	Quảng Ngãi	II		6,13	Đường cấp II ĐB, Bm= 22,5m, Mặt đường BTN	
9	Đoạn Km165,057 - Km168+200	Quảng Ngãi	II		3,14	Đường cấp II ĐB, Bm= 16m, Mặt đường BTN	
II	**Quốc lộ 24B**				**14,00**		
1	Đoạn Km0+400 - Km7+050	Quảng Ngãi	III		6,65	Đường cấp III đồng bằng; bề rộng nền đường Bn= 12m; bề rộng mặt đường Bm= 7m; bề rộng lề đường Blđ= 2x2,5m = 5m; bề rộng gia cố lề Bgcl= 2x2m= 4m; mặt đường bê tông nhựa; độ dốc dọc lớn nhất là 6%; tải trọng trục tính toán là 100KN; tải trọng thiết kế là HL93.	
2	Đoạn Km19 - Km20+680	Quảng Ngãi	III		1,68	Đường cấp III đồng bằng; bề rộng nền đường Bn= 12m; bề rộng mặt đường Bm= 11m	
3	Đoạn Km20+680 - Km23+300	Quảng Ngãi	III		2,62	Đường phố chính đô thị thứ yếu, cấp III; bề rộng nền đường Bn= 24,75m; bề rộng mặt đường Bm= 13,75m; vỉa hè 5,5x2= 11m; mặt đường bê tông nhựa; tải trọng trục thiết kế 100KN; tải trọng thiết kế H30-XB80.	
4	Đoạn Km63+780 - Km66+827	Quảng Ngãi	III		3,05	Đường cấp III đồng bằng; mặt đường bê tông nhựa, bề rộng mặt đường Bm= 10,5m. Riêng đoạn Km66+255-Km335 có bề rộng mặt đường 13,75m	
III	**Quốc lộ 24C**				**18,68**		
1	Đoạn Km0 - Km0+450	Quảng Ngãi	I		0,45	Đường cấp I đồng bằng; mặt đường bê tông nhựa rộng từ (45 đến 15m), có dải phân cách giữa rộng 5m.	
2	Đoạn Km0+450 - Km2+950	Quảng Ngãi	II		2,50	Đường cấp II đồng bằng, mặt đường bê tông nhựa rộng 15m	
3	Đoạn Km6+270 - Km21+200	Quảng Ngãi	I		14,93	Đường cấp I đồng bằng, mặt đường bê tông nhựa, bề rộng nền đường 27,5m, bề rộng mặt đường 21,5m và dải phân cách giữa rộng 5m	

4	Đoạn Km21+200 - Km22	Quảng Ngãi	III		0,80	Đường cấp III đồng bằng; bề rộng nền đường Bn= 12m; bề rộng mặt đường Bm= 11m	
IV	**Quốc lộ 40**				**6,82**		
1	Đoạn Km0+00 - Km0+220	Quảng Ngãi	III		0,22	Đường cấp III ĐB, Bm= 15m, Mặt đường BTN	
2	Đoạn Km7+300 - Km12+010	Quảng Ngãi		III	4,71	Đường cấp III MN, Bm=15m, Mặt đường BTN	
3	Đoạn Km12+010 - Km12+650	Quảng Ngãi	II		0,64	Đường cấp II MN, Bm=32m, Mặt đường BTN	
4	Đoạn Km12+650 - Km13+900	Quảng Ngãi		III	1,25	Đường cấp III MN, Bm=15m, Mặt đường BTN	
V	**Quốc lộ 14C**				**3.38**		
1	Đoạn Km0+00 - Km2+300	Quảng Ngãi		III	2,30	Đường cấp III MN, Bm= 7m, Mặt đường BTN	
2	Đoạn Km86+574 - Km87+650	Quảng Ngãi		III	1,08	Đường cấp III MN, Bm= 20m, Mặt đường BTN	
VI	**ĐT.627**	Quảng Ngãi	III		**5,95**	Nền đường 12-12,5m, mặt đường 7,5 - 11,5m, đường cấp III đồng bằng	
VII	**ĐT.623B**				**19,7**		
1	Đoạn Km0 – Km19+700	Quảng Ngãi	IV		19,7	Đường cấp IV đồng bằng, nền đường 9m, mặt đường 7m	
VIII	**ĐT.624**				**7,52**		
1	Đoạn từ Km0 – Km5+550	Quảng Ngãi	III		5,55	Đường cấp III đồng bằng, nền đường 12m, mặt đường 11m	
2	Đoạn từ Km5+800 – Km7+770	Quảng Ngãi	III		1,97	Đường cấp III đồng bằng, nền đường 12m, mặt đường 11m	
IX	**ĐT.624B**				**4,5**		
1	Đoạn từ Km7+500 - Km11+00	Quảng Ngãi	IV		4,5	Đường cấp IV đồng bằng, nền đường 9m, mặt đường 7m	

II. CÁC VỊ TRÍ HẠN CHẾ VỀ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN TRÊN ĐƯỜNG BỘ

TT	Tên đường	Lý trình (từ Km đến Km)	Tỉnh/ thành phố	Cấp đường		Thông tin hạn chế tải trọng, khổ giới hạn của đường			Lý do hạn chế	Ghi chú
				ĐB	MN	Tình trạng tải trọng (tấn)	Chiều rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quốc lộ 24C	Từ Km31+870 đến Km31+885	Quảng Ngãi		IV		4,2/5,5m		Vướng mặt bằng	
2	Quốc lộ 24C	Km23+950	Quảng Ngãi		IV			4,3/4,75m	Cầu vượt đường cao tốc ĐN-QN	
3	Quốc lộ 40B	Từ Km161+977,65 đến Km161+998,35	Quảng Ngãi		IV		4,6		Bề rộng phần xe chạy nhỏ hơn bề rộng mặt đường	
4	ĐT.624	Km0+600	Quảng Ngãi	IV			5,5/7,5		Nút giao cùng mức đường sắt chưa mở rộng do vướng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt	

III. CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN

TT	Tên đường	Lý trình	Tỉnh/ thành phố	Cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn				Ghi chú
				Tên cầu	Tải trọng thiết kế	Tình trạng tải trọng	Tình trạng khổ giới hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Quốc lộ 24B	Km32+375	Quảng Ngãi	Miếu Ngói	H13-X60	21-35-44		
2	Quốc lộ 40B	Km161+225,26	Quảng Ngãi	Cầu dầm BTCT	H30-XB80	29-45-45		
		Km161+988,00	Quảng Ngãi	Cầu Đăk Chum I	H30-XB80		Bề rộng phần xe chạy 4,6m nhỏ hơn bề rộng mặt đường	
		Km188+133,29	Quảng Ngãi	Cầu Đăk Mông	H30-XB80	28-43-45		
		Km189+931,91	Quảng Ngãi	Cầu Văn Lem	H30-XB80	28-39-45		
		Km191+766,95	Quảng Ngãi	Cầu Đăk Rô Gia	H30-XB80	28-43-45		
3	Đường từ đường Hồ Chí Minh đi xã Đăk Ang	Km0+953	Quảng Ngãi	Cầu Bailey	20T		Hạn chế chiều cao 3,5m	
4	ĐT.676	Km3+400	Quảng Ngãi	Cầu bản	H13	- Biển mã hiệu P.115: Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (13t)		
		Km5+760	Quảng Ngãi	Cầu dầm LH BTCT	H13	- Biển mã hiệu P.115: Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (13t)		
		Km19+228	Quảng Ngãi	Cầu bản hộp	18T	- Biển mã hiệu P.115:		

						Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (18t)		
5	ĐT.677	Km15+100	Quảng Ngãi	Cầu Km15+000	H13	- Biển mã hiệu P.115: Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (13t)		
6	Đường Đăk Kôi - Đăk Pxi	Km16+500	Quảng Ngãi	Cầu dàn Km16+500	H13	"- Biển mã hiệu P.115: Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (13t);		
		Km19+717	Quảng Ngãi	Cầu cây Sung	H13	- Biển mã hiệu P.115: Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (13t)		
7	Đường tỉnh 671	Km42+152	Quảng Ngãi	Cầu Treo KonKlor	10T	2,5T		
8	ĐT.623	Km0+135	Quảng Ngãi	Cầu Sông Rin			Bề rộng phần xe chạy 4m nhỏ hơn bề rộng mặt đường	
		Km27+215	Quảng Ngãi	Cầu Sơn Mùa		Hạn chế xe tải > 2,5T		
9	Đường Đào Duy Từ kéo dài	Km3+069	Quảng Ngãi	Cầu Bệnh viện quân y 24	H30 - XB80	30-30-30		
10	Giếng Tiên - Biển Thạch Thang (ĐH.40)	Km4+150	Quảng Ngãi	Cầu Vân Hà 1	13T	5T		
11	Vĩnh Tuy - Hàng Gia (nối dài)	Km0+310	Quảng Ngãi	Cầu Phong Niên 2	H13-X60	23-34-40		

12	Đường ĐH 51 (Kon Đào - Văn Lem)	Km1+924,29	Quảng Ngãi	cầu thép liên hợp	Cầu được thiết kế với Tải trọng 10T	Đã cắm biển hạn chế tải trọng, tối đa 5T		dài 12m; dầm thép I, bản mặt cầu BTCT, mố cầu đá xây